

PDW-F75



PDW-F75 là ??u ghi XDCAM, ch?c n?ng ghi MPEG HD v?i s? t??ng thích phát l?i b?ng DVCAM. S?n ph?m này có th? ghi 1080 dòng video v?i nhi?u t?c ?? khung ? t?c ?? bit cao t?i 35Mbps trên ??a quang chuyên d?ng. Nó c?ng cung c?p b?n kênh ch?t l?ng cao âm thanh không nén. ??u ghi ??c PDW-F75 cho phép ??c ??a quang 2 l?p th? h? m?i PFD50DLA có dung l?ng 50 GB và cho phép ghi d? li?u ??nh d?ng DVCAM thông qua vi?c s? d?ng board l?a ch?n thêm PDBK-104. PDW-F75 ghi và phát ??a quang chuyên d?ng v?i chu?n HD ? 1080/59,94i; 50i; 29,97P; 25P và 23,98P s? d?ng b? mã hoá "MPEG HD" s? d?ng chu?n nén công nghi?p MPEG-2 MP@HL. Ngoài ra ?? cho ch?t l?ng âm thanh cao có th? s? d?ng b?n kênh, 16bit, 48kHz âm thanh không nén.

Rating: Not Rated Yet

Price:

Variant price modifier:

Base price with tax:

Price with discount:

Salesprice with discount:

Sales price:

Sales price without tax:

Discount:

Tax amount:

[Ask a question about this product](#)

Description **General**

Power requirements: 100 V to 240 V AC, 50/60 Hz

Power consumption: 70 W

Operating temperature: +5 to +40°C (+41 to +104°F)

Storage temperature: -20 to +60°C (-4 to +140°F)

Humidity: 20 to 90% (relative humidity)

Mass: 7.2 kg (15 lb 6 oz)

Dimensions (W x H x D): 307 x 100 x 411 mm (12 1/8 x 4 x 16 1/2 inches)

Recording format

Video: MPEG HD (MPEG-2 MP@HL): HQ mode (VBR, maximum bit rate : 35 Mb/s), SP mode (CBR, 25 Mb/s), LP mode (VBR, maximum bit rate : 18 Mb/s)

Proxy Video: MPEG-4

Audio: MPEG HD: 4 ch or 2 ch, 16 bits/48 kHz
 Proxy Audio: A-law (4 ch / 2 ch, 8 bit, 8 kHz)?

Playback format

Video:
 MPEG HD (MPEG-2 MP@HL): HQ mode (VBR, maximum bit rate : 35 Mb/s), SP mode (CBR, 25 Mb/s), LP mode (VBR, maximum bit rate : 18 Mb/s)
 Proxy Video: MPEG-4
 Audio:
 MPEG HD: 4 ch or 2 ch, 16 bits/48 kHz
 DVCAM: 4 ch, 16 bit/48 kHz
 Proxy Audio:A-law (4 ch / 2 ch, 8 bit, 8 kHz)

Recording/playback time

MPEG HD (HQ mode, w/PFD50DLA): Audio 2ch: more than 150 min. / Audio 4ch: more than 145 min.
MPEG HD (HQ mode, w/PFD23A): Audio 2ch: more than 68 min. / Audio 4ch: more than 65 min.
MPEG HD (SP mode, wi/PFD50DLA): Audio 2ch: approx. 200 min. / Audio 4ch: approx. 190 min.
MPEG HD (SP mode, wi/PFD23A): Audio 2ch: approx. 90 min. / Audio 4ch: approx. 85 min.
MPEG HD (LP mode, w/PFD50DLA): Audio 2ch: more than 265 min. / Audio 4ch: more than 248 min.
MPEG HD (LP mode, w/PFD23A): Audio 2ch: more than 122 min. / Audio 4ch: more than. 112 min.
DVCAM (w/PFD50DLA): Approx. 185 min.
DVCAM (w/PFD23A): Approx. 85 min.

Search speed (in colour)

Jog mode: ?1 time normal speed
Variable mode: -1 to +2 times normal speed
Shuttle mode: ?20 times normal speed

Signal inputs

Analogue reference input: BNCx2(including loop through), HD Tri-level sync or SD composite sync (0.3 Vp-p/75 ohms/sync negative)
Analogue composite input (option: PDBK-104): BNCx1, RS-170M
Analogue HD component input (option: PDBK-103): BNC x4, Y/Pb/Pr/(Sync) or G/B/R/(Sync)
HD-SDI input: BNCx1, SMPTE 292M
SD-SDI input (option: PDBK-104): BNCx1, SMPTE 259M
Analogue audio input: XLR x2 (channel selectable), +4/0/-3/-6 dBu (selectable), 10 kohms, balanced
Digital audio input: AES/EBU, BNCx2, 4 channels
Timecode input: BNCx1, SMPTE Time code

Signal outputs

Analogue composite video output: BNCx1, (1.0 Vp-p/75 ohms/sync negative) , RCA-pinx1,(1.0 Vp-p/75 ohms/sync negative)
Monitor output: D-sub 15-pin (G/B/R or Y/Pb/Pr*)
Built-in display: 3.5-inch type colour LCD monitor
HD-SDI output: BNCx2, SMPTE 292M

SD-SDI output:	BNCx1, SMPTE 259M
Analogue audio output:	XLRx2 (channel selectable), +4/0/-3/-6 dBu (selectable), 600 ohms load, balanced
Audio monitor output:	RCAx2 (L, R, Mix), -6dBu, 47 kohms, unbalanced
Headphone output:	Stereo phone jack, -14dBu, 8 ohms, unbalanced
Digital audio output:	AES/EBU, BNCx2, 4 channels
Timecode output:	BNCx1, SMPTE Timecode

Other inputs/outputs

i.LINK:	IEEE1394, 6-pin x1, AV/C (DV stream output) or File Access Mode
i.LINK(HDV 1080i) (option: PDBK-102):	IEEE1394, 6-pin x1, HDV 1080i IN/OUT
Ethernet (option: PDBK-101):	1000Base-T (RJ-45)
RS-422A:	D-sub 9-pin x 1
RS-232C:	D-sub 9-pin x 1
CONTROL:	Mini-jack 4-pin

Video performance

Sampling frequency:	Y: 74.25MHz, R-Y/B-Y: 37.125MHz
Quantization:	8 bits/sample
analogue composite output(DV):	Frequency response : 0 to 4.2 MHz +1.0/-3.0 dB (525), 0 to 4.8 MHz +1.0/-3.0 dB (625) , S/N(Y) : 53 dB or more , Y/C delay (K2T) : ?25 ns or less , K-factor(K2T) : 2% or less

Processor adjustment range

Video level:	?3 dB
Chroma level:	?3 dB
Set up/black level:	?30 IRE
Chroma phase:	?30 deg
System sync phase:	?3 ?s
System sync phase (fine):	?200 ns

Audio performance

Sampling frequency:	48 kHz
Quantization:	16 bits/2 channels or 16 bits / 4 channels
Frequency response:	20 Hz to 20 kHz +0.5/-1.0 dB(0 dB at 1 kHz)
Dynamic range:	90 dB or more
Distortion:	0.05% or less (at 1 kHz)
Headroom:	20/18/16/12 dB (selectable)

Reviews

There are yet no reviews for this product.